

**CÔNG TY TNHH THU LỢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THU LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: THU LOI COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110826631

**3. Ngày thành lập:** 29/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 58 Phố Hàng Bò, Phường Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913262689

Fax:

Email: [hieuvu0919@gmail.com](mailto:hieuvu0919@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>( không bao gồm thiết bị phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình ,định vị )                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; | 4659     |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( không bao gồm thiết bị phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình ,định vị )                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741     |
| 5.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4761     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nhựa gia dụng. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ). Bán buôn ổ khóa các loại. Bán buôn đồ dùng cho nhà bếp | 4649 |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới<br>( không bao gồm hoạt động của đấu giá viên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                         | 4759 |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (đồ uống là rượu thực hiện theo QĐ NĐ 105/2017 được sửa đổi bổ sung NĐ 17/2020 )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4711 |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4719 |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>(đồ uống là rượu thực hiện theo QĐ NĐ 105/2017 được sửa đổi bổ sung NĐ 17/2020 )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4781 |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329 |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết : Bán buôn đồ uống có cồn : Bán buôn rượu mạnh;<br>Bán buôn rượu vang; Bán buôn bia. Bán buôn đồ uống không<br>có cồn - Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc<br>không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước<br>quả khác...; - Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước<br>tinh khiết đóng chai khác.<br>(đồ uống là rượu thực hiện theo QĐ NĐ 105/2017 được sửa<br>đổi bổ sung NĐ 17/2020 ) | 4633        |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép, inox; Bán buôn đồng, chì, nhôm,<br>kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành<br>phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình Bán buôn quặng kim<br>loại                                                                                                                                                                                                                     | 4662(Chính) |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi<br>măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây<br>dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ<br>sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu xây dựng; - Bán<br>buôn thiết bị vệ sinh; - Bán buôn dụng cụ cầm tay;                                                                             | 4663        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu<br>xây dựng khác trong các cửa hàng Chi tiết: Bán lẻ xi măng,<br>gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác<br>trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị<br>vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa VLXD<br>tại trụ sở)  | 4752        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4753        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>( chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện<br>theo quy định pháp luật có liên quan. Phạm vi hoạt động kinh<br>doanh nội dung cụ thể thực hiện theo giấy phép đủ điều kiện<br>kinh doanh của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp )                                                                                                                                           | 7110        |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết : Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty đang kinh<br>doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà<br>không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |

